TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11/4/2025
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Cẩu
2. Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 307/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày ngày 06 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bạch Tuyết L, sinh năm 1970 **(**Có Đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 06, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: Số nhà B, đường số H, phường B, quận B, TP ..

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn V, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ F, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 28/6/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn – Bà Bạch Tuyết L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn V kết hôn với nhau vào năm 1993, hôn nhân do quen biết, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn, bà về chung sống với gia đình cha mẹ chồng. Đến năm năm 1994, ông bà mua đất cất nhà ra riêng, gần nhà cha mẹ chồng. Ông bà sống êm ấm được hơn 15 năm, thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong cuộc sống,

ông V mang tính "gia trưởng", bà không được có ý kiến khác, ông bà bất đồng trong việc làm ăn, tiền bạc, trong giải quyết, xử lý chuyện nội bộ gia đình.... Từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau nữa. Nên ông bà luôn bất hòa, gia đình không còn êm ấm, nhận thấy tình cảm ông bà bị rạn nứt, do mâu thuẫn ngày càng nhiều, kéo dài không hòa giải được, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà xin được ly hôn với ông Phạm Văn V.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Vũ H, sinh ngày 04/10/1994, Phạm Chánh H1, sinh ngày 01/10/1997 và Phạm Thị Kim H2, sinh ngày 23/10/2005. Hiện các con đã trưởng thành, có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – Ông Phạm Văn V: Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông V; Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Vũ H, sinh ngày 04/10/1994, Phạm Chánh H1, sinh ngày 01/10/1997 và Phạm Thị Kim H2, sinh ngày 23/10/2005 hiện đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm: Bà L phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Bạch Tuyết L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn V, do vậy xác định đây là tranh chấp về

hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Phạm Văn V có nơi cư trú tại tổ F, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn – Bà L vắng mặt tại phiên toà, tuy nhiên bà đã có Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24/02/2025 phù hợp theo quy định pháp luật nên được chấp nhận; Bị đơn là ông V đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai mà không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà L và ông V.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân:

Theo lời trình bày của bà L, bà và ông V chung sống với nhau vào năm 1993, hôn nhân do quen biết, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa bà L và ông V xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục, theo bà L ông bà sống êm ấm được hơn 15 năm, thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong cuộc sống, ông V mang tính "gia trưởng", bà không được có ý kiến khác, ông bà bất đồng trong việc làm ăn, tiền bạc, trong giải quyết, xử lý chuyện nội bộ gia đình.... Từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau nữa. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông V.

Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã V số 303/GXN-UBND ngày 24/6/2024 do bà L cung cấp và Công văn số 53/UBND-TH ngày 13/2/2025 về việc cung cấp thông tin kết hôn của bà L và ông V thể hiện qua xác minh và trích lục bộ gốc kết hôn do Ủy ban nhân dân xã V quản lý không tìm thấy thông tin kết hôn của bà L và ông V.

Từ những nêu trên, xác định bà L và ông V chung sống như vợ chồng từ năm 1993 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, trong trường hợp nam nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết bà được ly hôn với ông V, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định *"Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng",* hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà Bạch Tuyết L và ông Phạm Văn V là vợ chồng.

2.2 Về con chung: Giữa bà L và ông V có 03 con chung tên Phạm Vũ H, sinh ngày 04/10/1994, Phạm Chánh H1, sinh ngày 01/10/1997 và Phạm Thị Kim H2, sinh ngày 23/10/2005 đều đã trưởng thành, bà L không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó không đặt ra xem xét.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Bà L trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm*:*

Bà L là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Bà Lan và ông V có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Bạch Tuyết L và ông Phạm Văn V là vợ chồng.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Bạch Tuyết L phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004911 ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Bạch Tuyết L và ông Phạm Văn V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Trinh